

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92518850200000001	NGUYEN THI KIM QUY	女	2002-07-22	001302005765	LE 5.19	
2	H92518850200000002	TRAN THI VAN GIANG	女	2004-12-03	001304024977	LE 5.19	
3	H92518850200000003	NGUYEN PHUONG THAO	女	2004-11-21	001304031545	LE 5.19	
4	H92518850200000004	NGUYEN THI HA LINH	女	2008-08-15	001308009559	LE 5.19	
5	H92518850200000005	NGUYEN THI THUY	女	2002-10-12	026302001887	LE 5.19	
6	H92518850200000006	NGUYEN THI LAN ANH	女	2002-07-23	026302010315	LE 5.19	
7	H92518850200000007	HOANG THI THU UYEN	女	2000-09-24	027300001055	LE 5.19	
8	H92518850200000008	NGUYEN THI QUYNH TRANG	女	2005-07-10	027305005310	LE 5.19	
9	H92518850200000009	DUONG THI KHANH HUYEN	女	1999-09-29	034199005318	LE 5.19	
10	H92518850200000010	LUONG THI HUYEN TRANG	女	1994-11-22	035194008887	LE 5.19	
11	H92518850200000011	NGUYEN NGOC QUAN	男	1995-11-23	036095009036	LE 5.19	
12	H92518850200000012	NGO MINH HIEU	男	1998-06-11	036098000324	LE 5.19	
13	H92518850200000013	NGUYEN THI LAN ANH	女	2003-03-26	038303021714	LE 5.19	
14	H92518850200000014	CHU THI THAO	女	1998-06-20	040198025639	LE 5.19	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 25.10.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Cao cấp - LE 5.20

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92518850200000015	NGUYEN TIEN DUNG	男	1989-08-19	025089010619	LE 5.20	
2	H92518850200000016	VU LINH LINH	女	1995-12-25	025195005647	LE 5.20	
3	H92518850200000017	HOANG THI THU HA	女	2003-02-14	026303004871	LE 5.20	
4	H92518850200000018	NGUYEN THI MAI ANH	女	1997-09-14	027197010106	LE 5.20	
5	H92518850200000019	DIEM HA ANH	女	2003-02-27	027303007703	LE 5.20	
6	H92518850200000020	DO HA THUY	女	2003-08-08	030303004244	LE 5.20	
7	H92518850200000021	NGUYEN PHUONG ANH	女	2008-08-15	033308010619	LE 5.20	
8	H92518850200000022	TO THI QUYNH TRANG	女	1998-08-03	034198012669	LE 5.20	
9	H92518850200000023	PHAM THI MINH ANH	女	2003-10-19	034303008517	LE 5.20	
10	H92518850200000024	NGUYEN THI LUA HA	女	2003-09-06	036303003711	LE 5.20	
11	H92518850200000025	LE THI THU	女	2002-09-19	038302018143	LE 5.20	
12	H92518850200000026	NGUYEN VIET PHONG	男	1995-07-07	040095038303	LE 5.20	
13	H92518850200000027	TANG THI THANH THAO	女	2002-09-09	040302020769	LE 5.20	
14	H92518850200000028	QUAN NHU Y	女	2005-12-06	040305013045	LE 5.20	
15	H92518850200000029	MAI THI THANH THUONG	女	2003-09-02	051303001080	LE 5.20	
16	H92518850200000030	LE TRAN MY THU	女	2006-09-04	064306002967	LE 5.20	
17	H92518850200000031	LE THANH NGAN	女	2008-05-23	079308032663	LE 5.20	
18	H92518850200000032	DAO THI THANH HUYEN	女	2003-09-29	E00788691	LE 5.20	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 25.10.2025 - TRÌNH ĐỘ HSKK Cao cấp - LE 5.21

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H92518850200000033	NGUYEN THI HOA	女	1988-11-12	001188044008	LE 5.21	
2	H92518850200000034	KHIEU NGOC DIEP	女	1992-12-01	001192002718	LE 5.21	
3	H92518850200000035	NGUYEN THI THANH HA	女	2001-01-17	001301014228	LE 5.21	
4	H92518850200000036	NGUYEN THAO HUYEN	女	2003-08-07	001303032850	LE 5.21	
5	H92518850200000037	BUI THI NGUYET HA	女	2004-10-19	001304019118	LE 5.21	
6	H92518850200000038	DO THI MINH THU	女	2008-10-21	001308020107	LE 5.21	
7	H92518850200000039	VU THANH NGUYET	女	2008-05-01	001308021868	LE 5.21	
8	H92518850200000040	NGUYEN NHAT MAI	女	2008-11-07	0023080000460	LE 5.21	
9	H92518850200000041	NGUYEN QUOC THAI BAO	男	2008-09-10	010208010283	LE 5.21	
10	H92518850200000042	CHAO MUINAY	女	2003-08-22	010303008724	LE 5.21	
11	H92518850200000043	TAN THANH HANG	女	2010-11-26	012310008332	LE 5.21	
12	H92518850200000044	PHAM HONG TRUONG	男	1980-05-14	017080000640	LE 5.21	
13	H92518850200000045	NGUYEN THI MINH PHUONG	女	1999-11-28	019199003345	LE 5.21	
14	H92518850200000046	TRAN THI NGOAN	女	2000-09-28	019300000514	LE 5.21	
15	H92518850200000047	CHU BICH THUY	女	2003-10-02	020303008374	LE 5.21	
16	H92518850200000048	HOANG KIEU OANH	女	2004-12-25	020304005151	LE 5.21	
17	H92518850200000049	NONG THI LAN ANH	女	2004-02-13	020304007990	LE 5.21	
18	H92518850200000050	TRAN CHI HAN	女	2008-10-15	020308003244	LE 5.21	
19	H92518850200000051	HOANG VAN QUYEN	男	1996-12-21	022096001838	LE 5.21	
20	H92518850200000052	NGUYEN VAN TRINH	男	1998-01-10	022098000610	LE 5.21	
21	H92518850200000053	NGUYEN THANH HIEN	女	1998-02-22	022198008139	LE 5.21	
22	H92518850200000054	NGUYEN THI THU HOAI	女	2002-12-13	022302006372	LE 5.21	
23	H92518850200000055	TRAN LAN ANH	女	1994-10-01	024194001147	LE 5.21	
24	H92518850200000056	TU THI MINH NGOC	女	1999-10-08	024199010479	LE 5.21	
25	H92518850200000057	NGHIEM THI MAI ANH	女	2004-02-22	024304008901	LE 5.21	
26	H92518850200000058	CAO THANH TRA	女	2004-11-20	024304012570	LE 5.21	
27	H92518850200000059	CHU THI KIM OANH	女	2004-12-10	024304013376	LE 5.21	
28	H92518850200000060	NGUYEN HA LINH	女	2008-08-25	024308004145	LE 5.21	
29	H92518850200000061	HOANG THAO LAN	女	2008-06-10	024308004475	LE 5.21	
30	H92518850200000062	HOANG QUYNH ANH	女	2008-09-15	024308008861	LE 5.21	